

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH Q**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/6/2022.

Về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH Q**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tin.

2. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Ngọc Luông - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q tham gia phiên Tòa: bà Nguyễn Trần Anh Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 3 năm 2022, Vv: “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Đoàn Thị N, sinh năm 1996. Địa chỉ: tổ 4 khối phố 7, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt.

- Bị đơn: ông Hồ Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: khối phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị N trình bày:

Bà N và ông Hồ Đ kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn không được bao lâu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ không lo làm ăn, hay cờ bạc, ham chơi không lo cho vợ con. Nay tình cảm vợ chồng đã hết nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Hồ T, sinh ngày 25-10-2016, nếu ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- *Bị đơn ông Hồ Đ trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:* Ông Đ và bà N tự nguyện kết hôn vào năm 2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn là do ông Đ ham chơi dẫn đến nợ nần. Vợ chồng có một con chung tên Hồ T, sinh ngày 25-10-2016, khi ly hôn ông Đ cũng có nguyện vọng nuôi con, nếu bà N cương quyết nuôi con ông sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn là chưa đảm bảo. Trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: xét đơn khởi kiện của bà N là có cơ sở nên đề nghị HĐXX xem xét cho bà N ly hôn với ông Đ, giao con chung là Hồ T cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng và buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Đoàn Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp con chung đối với ông Hồ Đ, hiện trú tại: tổ 13 khối phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Q. Vì vậy việc khởi kiện của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

- Ông Hồ Đ là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: giữa bà N và ông Đ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Nay cuộc sống chung giữa bà N và ông Đ không có hạnh phúc, nguyên nhân theo bà N trình bày và ông Đ thừa nhận là do ông Đ ham chơi dẫn đến nợ nần, cuộc sống vợ chồng luôn mâu thuẫn, không có tiếng nói chung và hiện nay bà N không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu được giải quyết cho ly hôn với ông Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng ông Đ không đến, điều này chứng tỏ ông Đ không có thiện chí mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống vợ chồng của bà N và ông Đ như vậy nếu có kéo dài thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông Đ.

- Về con chung: trong quá trình hôn nhân bà N và ông Đ sinh được 01 người con là Hồ T, sinh ngày 25-10-2016. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà N có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, ông Đ cũng thống nhất. Hơn nữa cháu T còn quá nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, do vậy, Hội đồng xét xử xét nên giao cháu Hồ T cho bà Tuyết tiếp tục nuôi dưỡng và buộc ông Đ cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: bà Đoàn Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật, án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông Hồ Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” của nguyên đơn bà Đoàn Thị N với bị đơn ông Hồ Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Đoàn Thị N với ông Hồ Đ

- Về con chung: Giao cho bà Đoàn Thị N nuôi dưỡng cháu Hồ Đ, sinh ngày 25-10-2016, buộc ông Hồ Đ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Hồ Đ không thanh toán khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình 300.000đồng bà Đoàn Thị Nt phải chịu được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng bà N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009538 ngày 09 tháng 3 năm 2022.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông Đ phải nộp 300.000 đồng

3. Bà Đoàn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Hồ Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- VKSND tp T;
- UBND phường H;
- Chi cục T.H.A tp T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Huỳnh Lý